

BÁO CÁO

**Kết quả công tác năm 2025 và công tác thẩm tra
của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**
(Trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025),
Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV)

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Thông báo số 172/TB-HĐND ngày 14/11/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Thông báo số 192/TB-HĐND ngày 28/11/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung và phân công thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và kết quả thẩm tra các Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ chín, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2025

1. Công tác giám sát, khảo sát

Năm 2025, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch công tác và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổ chức giám sát thường xuyên đối với việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực dân tộc. Tổ chức 02 cuộc khảo sát, giám sát chuyên đề, trong đó: Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) tổ chức 01 cuộc giám sát về việc triển khai thực hiện Dự án 1 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) tổ chức 01 cuộc khảo sát việc thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên và học sinh tại 13 trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, để phục vụ cho công tác thẩm tra các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban đã tiến hành khảo sát và làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương về các vấn đề liên quan. Kết quả khảo sát, giám sát là căn cứ thực tiễn phục vụ thẩm tra các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại các kỳ họp của

Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nhằm thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc và chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) đã chủ trì, phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức 01 cuộc giám sát chuyên đề về việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia 08 cuộc khảo sát, giám sát chuyên đề về các nội dung như: Kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công¹; tham gia xây dựng Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp theo quy định.

2. Công tác thẩm tra

Để chuẩn bị nội dung cho các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc đã tích cực tham gia chuẩn bị nội dung, chương trình 20 kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh (17 kỳ họp chuyên đề, 02 kỳ họp thường lệ và 01 kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất) và 28 phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (21 phiên thường kỳ và 07 phiên đột xuất). Chủ trì thẩm tra 15 Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, phối hợp với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra

¹ Thường trực HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) đã tổ chức 04 cuộc khảo sát, giám sát về công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2024; kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 24; các ý kiến, kiến nghị của cử tri đang tiếp tục giải quyết và chưa được giải quyết tại Báo cáo số 256/BC-HĐND ngày 02/12/2024 của Thường trực HĐND tỉnh; việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh 5 tháng cuối năm 2024 và việc thực hiện các kiến nghị đang giải quyết theo Báo cáo số 262/BC-HĐND ngày 02/12/2024 của Thường trực HĐND tỉnh thông qua việc xem xét báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; về những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công.

Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) đã tổ chức 02 cuộc giám sát về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ hai mươi ba; các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh; kết quả thực hiện một số kiến nghị tại nghị quyết giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh và kết luận, kiến nghị giám sát của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV.

Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) đã tổ chức 02 cuộc giám sát về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ ba (HĐND tỉnh Thái Nguyên), Kỳ họp thứ ba mươi (HĐND tỉnh Bắc Kạn); các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo số 124/BC-HĐND ngày 21/6/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Bắc Kạn; kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh.

90 Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại các kỳ họp. Công tác thẩm tra được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các vấn đề nêu trong báo cáo thẩm tra của Ban được các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá cao, kiến nghị qua thẩm tra của Ban đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tham mưu tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng các kỳ họp và chất lượng ban hành các nghị quyết, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc đã chủ trì và phối hợp thẩm tra 52 nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Các hoạt động khác

Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và theo chức năng, nhiệm vụ của Ban, Ban Dân tộc đã tích cực phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác, chủ trì tham mưu xây dựng Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; tham mưu ban hành văn bản về việc rà soát, tự kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; tham gia xây dựng Đề án *“Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân 02 cấp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2031”*; Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Đề án cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, nhiệm kỳ 2026 - 2031; tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử tỉnh; Kế hoạch tổ chức Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV.

Tham gia xây dựng nội dung báo cáo, góp ý vào nội dung dự thảo văn bản theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các dự án Luật trình tại Kỳ họp Quốc hội Khóa XV; tham dự các cuộc giám sát chuyên đề do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức; tham dự đầy đủ các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội; thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV; công tác thi đua, khen thưởng; công tác tiếp công dân định kỳ và đột xuất; tham dự đầy đủ các phiên họp, hội nghị do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức khi được mời; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ công tác khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. KẾT QUẢ THẨM TRA

Tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), Hội đồng nhân dân tỉnh Khốa XIV, Ban Dân tộc được phân công chủ trì thẩm tra 08 nội dung Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và phối hợp với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra 15 nội dung Tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Ban báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (lĩnh vực dân tộc)

1.1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Trên cơ sở kết quả thẩm tra và kết quả khảo sát, giám sát thường xuyên, Ban Dân tộc cơ bản nhất trí với đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, những tồn tại, hạn chế và các mục tiêu, giải pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2026.

Năm 2025 là năm cuối nhiệm kỳ, đồng thời là năm tỉnh Thái Nguyên thực hiện mạnh mẽ việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức vận hành chính quyền 02 cấp. Cùng với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế cả nước, tỉnh Thái Nguyên cũng gặp một số khó khăn, thách thức như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) và GRDP bình quân đầu người không đạt kế hoạch; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng thấp (1,95%) do ảnh hưởng của bão số 11; xuất khẩu địa phương (không bao gồm FDI) chỉ tăng 3% (không đạt kế hoạch 7%).

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, tỉnh Thái Nguyên đã từng bước vượt qua khó khăn và đạt được nhiều kết quả nổi bật, với tổng số 10/13 chỉ tiêu chủ yếu ước đạt và vượt kế hoạch năm 2025. Đặc biệt, lĩnh vực công nghiệp tiếp tục là động lực chủ lực của nền kinh tế, giữ vai trò trụ cột trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đạt mức tăng trưởng 12,07% (vượt kế hoạch). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 26.551 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2024).

1.2. Kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

Qua nghiên cứu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và kết quả khảo sát của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2025, việc triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì và đạt một số kết quả nhất định, cụ thể:

- Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện thành công mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới vượt kế hoạch, đạt mức giảm 1,13% (vượt chỉ tiêu kế hoạch từ 0,8% trở lên).

- Công tác an sinh cơ bản đảm bảo, các chính sách về giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số học nội trú, bán trú và cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh (đạt trên 98% hộ dân nông thôn) được đảm bảo, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được triển khai đồng bộ thông qua các dự án thành phần. Tuy nhiên, tiến độ triển khai và giải ngân vốn của Chương trình còn chậm, chưa đồng đều giữa các dự án (chỉ đạt từ 16,10% đến 69,68% kế hoạch năm). Tính đến ngày 01/12/2025, tỷ lệ giải ngân vốn của Chương trình mới đạt 50,52% kế hoạch, đặc biệt là vốn sự nghiệp (hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề) chỉ đạt mức rất thấp (27,38%)². Các dự án hỗ trợ sản xuất còn manh mún, thiếu tính liên kết chuỗi giá trị, dẫn đến nguy cơ tái nghèo khi ngắt nguồn hỗ trợ.

1.3. Một số nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo làm rõ nguyên nhân chủ quan của việc giải ngân vốn sự nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt thấp; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn, nhất là tiến độ giải ngân các dự án đầu tư hạ tầng thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nghiên cứu, có giải pháp chuyển dần các chính sách “*hỗ trợ trực tiếp*” sang “*hỗ trợ cơ chế*”. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng của tỉnh để xử lý dứt điểm các điểm nghẽn về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế đặc thù thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến nông lâm sản tại các xã miền núi, vùng cao để tạo sinh kế bền vững tại chỗ.

- Quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai (hồ chứa, hệ thống cảnh báo sớm,...) tại các khu vực miền núi, vùng cao thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở, lũ ống, lũ quét.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo đối với Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc.

2. Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên (lĩnh vực dân tộc)

2.1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025

Ban Dân tộc cơ bản nhất trí với đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025.

Giai đoạn 2021 - 2025 là thời kỳ tỉnh Thái Nguyên thực hiện các biện pháp phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19, đồng thời triển khai công tác sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính theo chủ trương của Trung ương. Trong giai đoạn này, mặc dù có sự thay đổi về quy mô, phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách và tổ chức thực hiện chính sách nhưng tỉnh vẫn tiếp tục duy trì được vị thế là cực tăng trưởng của vùng Trung du miền núi phía Bắc. Năm 2024, tăng trưởng

² Theo Văn bản số 2138/SDTTG-CTDT ngày 02/12/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Thái Nguyên về báo cáo đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

GRDP đạt khoảng 6,5%, giá trị xuất khẩu đứng thứ 5 toàn quốc. Kết quả này đặt cơ sở vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn 2026 - 2030 là 10,5%/năm.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được quan tâm, đầu tư. Kết quả thực tế đến 2025 cho thấy 100% xã có đường ô tô đến trung tâm, 100% xóm có điện lưới quốc gia, hạ tầng thiết yếu cơ bản được đảm bảo.

Tuy nhiên, do cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ, tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp,... nên đời sống của người dân tại các vùng đặc biệt khó khăn tuy có cải thiện nhưng chưa bền vững, đặc biệt là trước các rủi ro thiên tai (như đợt bão lũ năm 2024, 2025 gây thiệt hại lớn).

2.2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030

Ban Dân tộc cơ bản thống nhất với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

2.3. Một số nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

Đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đặc biệt là 37 xã phía Bắc), Ban đề nghị cần nghiên cứu, chuyển dần các chính sách hỗ trợ từ “*đầu tư hạ tầng*” sang “*đầu tư sinh kế và nhân lực*”; nghiên cứu đưa ra các chỉ tiêu rõ ràng về mô hình kinh tế dưới tán rừng, tín chỉ các-bon và đào tạo nghề chuyên sâu cho lao động người dân tộc thiểu số để đảm bảo mục tiêu thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 gấp 1,5 lần năm 2025.

- Về mục tiêu tổng quát và chỉ tiêu kinh tế (Điều 2, Mục I): Để hoàn thành tăng trưởng GRDP bình quân 10,5%/năm, đề nghị nghiên cứu bổ sung vào phần giải pháp (Mục II) các động lực tăng trưởng mới như tiến độ giải ngân cụ thể cho các khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Yên Bình 2, 3,... để đảm bảo tính khả thi của mục tiêu này.

- Về chính sách dân tộc và miền núi (Điều 2, Mục II, Khoản 8): Để hoàn thành tốt nhiệm vụ “*Thực hiện Chương trình Hỗ trợ đầu tư, cải tạo nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn (trên địa bàn 37 xã phía Bắc)*”, Ban đề nghị quan tâm đầu tư hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất gắn với chuỗi giá trị cho địa bàn khu vực miền núi, vùng cao để từng bước hỗ trợ nâng cao kỹ thuật canh tác, giống vốn, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Về tín chỉ các-bon: Dự thảo Nghị quyết có đề xuất “*phát triển thị trường tín chỉ các-bon rừng*”. Đây là hướng đi mới rất tốt cho vùng miền núi. Ban Dân tộc kiến nghị cần giao chỉ tiêu cụ thể hoặc đề án thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các xã miền núi để tạo nguồn thu trực tiếp cho đồng bào nuôi rừng, giữ rừng.

- Về phát triển nguồn nhân lực (Điều 2, Mục II, Khoản 5): Ban đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế đặt hàng đào tạo riêng cho lao động là con em đồng bào dân tộc thiểu số tại các trường nghề, chuyển dịch từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp ngay tại địa phương.

3. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2025); căn cứ tình hình thực tiễn về Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 78/92 xã, phường của tỉnh đã gây thiệt hại cho người chăn nuôi; để đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ kịp thời, không gián đoạn, đồng thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người chăn nuôi, góp phần giảm thiểu khó khăn cho các đối tượng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra, sớm khôi phục sản xuất; việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết.

3.2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15) và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật.

3.3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

3.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3.4.2. Về dự thảo Nghị quyết:

* Về căn cứ pháp lý: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Thông tư số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 35/VBHN-BNNMT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

* Về phạm vi điều chỉnh: Để đảm bảo toàn diện và tránh bỏ sót chính sách, đề nghị bổ sung nội dung sau: *“Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP và các văn bản liên quan”*. Đồng thời, cần giải thích, làm rõ khái niệm *“cơ sở sản xuất đảm bảo các điều kiện về hoạt động chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản...”* để thuận lợi cho các địa phương trong quá trình áp dụng chính sách.

* Về đối tượng và mức hỗ trợ:

- Đối với thủy sản: Dự thảo hiện chưa quy định hỗ trợ đối với các loại thủy sản phổ biến như cá trắm, cá mè, cá trôi... cũng như các loại thủy sản có hiệu quả kinh tế cao đang được người dân trên địa bàn tỉnh mở rộng đầu tư, chăn nuôi như lươn, ốc, ếch... Đề nghị rà soát để đảm bảo không bỏ sót các đối tượng cần được hỗ trợ. Đồng thời, phân tích, làm rõ khái niệm *“cá truyền thống, cá bản địa”* để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Về định mức hỗ trợ:

+ Đối với mức hỗ trợ tối đa 1,5 tỷ đồng/doanh nghiệp: Đề nghị phân tích, làm rõ cơ sở tính toán quy định mức hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Ngoài ra, cần nghiên cứu, quy định mức hỗ trợ đặc thù trong trường hợp thiệt hại đặc biệt lớn.

+ Riêng mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, để đảm bảo chặt chẽ, phù hợp, đề nghị bổ sung thêm nguyên tắc hỗ trợ theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau: *“... đồng thời đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan theo quy định hiện hành”*.

- Về nguyên tắc hỗ trợ: Đề nghị sửa tên Điều 4 của dự thảo Nghị quyết thành ***“Điều 2. Nguyên tắc áp dụng”*** và bổ sung như sau:

“1. Mức hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, tối đa 1,5 tỷ đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng)/doanh nghiệp; đồng thời đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng nội dung mà có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng chỉ được áp dụng một chính sách cao nhất.”

* Về hiệu lực thi hành: Đề nghị chuyển nội dung Điều 8 của dự thảo Nghị quyết thành khoản 3 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết.

3.5. Một số nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đối với khu vực chăn nuôi: Thực tế có nhiều hộ chăn nuôi nằm ngoài quy hoạch hoặc trong khu vực không được phép chăn nuôi nhưng vẫn phát sinh dịch bệnh. Đề nghị cần có giải pháp xử lý, ngăn chặn lây lan khi phát sinh dịch bệnh.

- Trên cơ sở quy định của pháp luật, sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản hướng dẫn để đảm bảo chính sách được thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo khả năng cân đối ngân sách đảm bảo triển khai hiệu quả chính sách sau khi Nghị quyết được ban hành.

4. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

4.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải hành khách bằng xe buýt đầu tư mới hoặc thay thế phương tiện hiện có, nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, qua đó, giảm thiểu phương tiện cá nhân tham gia giao thông, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm ô nhiễm môi trường, việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết.

4.2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15).

4.3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

4.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.4.2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

4.5. Một số nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đề nghị báo cáo kết quả công tác tổ chức thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 11 Điều 9 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm hiệu quả, đúng phạm vi, đối tượng, đúng mức hỗ trợ và chịu trách nhiệm theo thẩm quyền.

- Báo cáo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh để triển khai thực hiện hiệu quả chính sách sau khi Nghị quyết được ban hành.

5. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện

5.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện; việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện là cần thiết.

5.2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày

22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện; Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15).

5.3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

5.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

5.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

5.4.2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình.

5.5. Nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: Theo nội dung tại Phần VI của Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nguồn kinh phí thực hiện được xác định là “*ngân sách địa phương theo phân cấp*”. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, số lượng đối tượng thụ hưởng chính sách sẽ tăng lên đáng kể, đặc biệt là nhóm đối tượng chính sách người có uy tín vùng dân tộc từ tỉnh Bắc Kạn cũ. Đề nghị bổ sung phụ lục ước tính tổng kinh phí thực hiện trong một năm, căn cứ trên số lượng đối tượng sau sáp nhập; đồng thời phân tích cụ thể phần kinh phí tăng hoặc giảm so với trước đây để Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ sở xem xét, đánh giá khả năng cân đối ngân sách, tránh trường hợp ban hành Nghị quyết nhưng ngân sách cấp xã không bố trí đủ kinh phí để thực hiện.

6. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án kiểm chế và đẩy lùi tai nạn giao thông tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

6.1. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp

Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

6.2. Về dự thảo Nghị quyết

* Về căn cứ ban hành Nghị quyết: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025.

* Về mục tiêu của Đề án:

- Đối với mục tiêu tổng quát: Sau khi sáp nhập, diện tích tỉnh Thái Nguyên là 8.375,21 km². Với địa bàn rộng, địa hình phức tạp, hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, đặc biệt hạ tầng giao thông khu vực phía Bắc còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, việc áp dụng chỉ tiêu *“tối thiểu từ 5% trở lên trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương”* chung trên địa bàn toàn tỉnh là khó khả thi, vì vậy phân giải pháp đề nghị cần nhấn mạnh việc phân bổ chỉ tiêu giảm tai nạn giao thông phù hợp với đặc thù từng vùng (đô thị, miền núi), đặc biệt là 37 xã, phường khu vực phía Bắc của tỉnh. Ngoài ra, theo thống kê trong phụ biểu Đề án, tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là giai đoạn 2024 - 2025 giảm mạnh. Đề nghị giải trình thêm về tính khả thi và mức độ phù hợp của chỉ tiêu trên trong giai đoạn 2026 - 2030 theo chỉ đạo của Trung ương về giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Đối với các mục tiêu cụ thể:

+ Đối với mục tiêu *“95% trở lên người tham gia giao thông đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia”*, căn cứ quy định về việc đội mũ bảo hiểm tại khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 33 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15³, đề nghị sửa thành *“100% người tham gia giao thông bằng mô tô, xe máy, xe máy điện đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia.”*

+ Đối với mục tiêu *“100% các cổng trường học nằm trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trục đường chính đô thị được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý, ...”*: Đề nghị làm rõ thẩm quyền đối với việc tổ chức giao thông tại các cổng trường học nằm trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trục đường chính đô thị.

* Về các nhóm giải pháp:

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số giải pháp trọng tâm, mang tính đột phá có trong Đề án vào dự thảo Nghị quyết, gồm ứng dụng công nghệ 5 trụ cột an toàn giao thông, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; quy hoạch xây dựng theo mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD - Transit Oriented Development), giao thông kết nối; đường giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới.

³ “3. Người điều khiển, người được chở trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và cài quai đúng quy cách...”

2. Người lái xe, người được chở trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và cài quai đúng quy cách.”

- Giải pháp về kết cấu hạ tầng và tổ chức giao thông:

+ Dự thảo nhấn mạnh “*tập trung đầu tư phát triển mạng lưới giao thông nông thôn khu vực phía Bắc tỉnh*”. Có thể khẳng định đây là mục tiêu phù hợp, sát thực tế sau sáp nhập tỉnh vì hạ tầng giao thông khu vực phía Bắc còn chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, cần khẳng định rõ việc ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông cho khu vực này để đảm bảo tính đồng bộ như mục tiêu đã đề ra.

+ Đề nghị nghiên cứu sớm có các giải pháp xây dựng cầu vượt cho người đi bộ tại khu vực đông dân cư, trường học và giải pháp xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt theo lộ trình Chính phủ quy định.

- Giải pháp về cứu hộ, cứu nạn và cấp cứu tai nạn giao thông: Đây là giải pháp mang tính nhân văn và thiết thực với địa bàn miền núi rộng sau sáp nhập tỉnh. Tuy nhiên, cần nghiên cứu, tham mưu bổ sung cơ chế hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho các tình nguyện viên, người dân tham gia sơ cứu để đảm bảo tính bền vững, lâu dài của chính sách.

* Về kinh phí thực hiện Đề án:

- Tổng kinh phí thực hiện đề án là 697,6 tỷ đồng, dự thảo phân bổ 200 tỷ đồng cho việc cải tạo các nút giao thông đô thị trong giai đoạn 5 năm, với diện tích lớn và nhiều đô thị đan xen sẽ rất khó đáp ứng yêu cầu giải quyết ùn tắc giao thông. Đề nghị rà soát, cân đối hợp lý giữa các nội dung chi để bảo đảm tính khả thi của mức kinh phí trên so với nhu cầu thực tế của tỉnh sau sắp xếp và bổ sung phụ biểu danh mục các dự án công trình giao thông giai đoạn 2026 - 2030 trong đề án để có căn cứ đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu đề ra.

- Về nguồn kinh phí: Đề nghị làm rõ cơ cấu nguồn vốn đối với ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn xã hội hóa, nhu cầu phân kỳ đầu tư giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời nghiên cứu cơ chế lồng ghép Đề án này với các dự án giao thông, đô thị thông minh để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Về tổ chức thực hiện: Đề nghị bổ sung thêm quy định: “*Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Thái Nguyên tham gia giám sát thực hiện.*”

7. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư Chương trình Hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

7.1. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

7.2. Về dự thảo Nghị quyết

- Về căn cứ ban hành Nghị quyết: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 do thời gian thực hiện Chương trình từ năm 2026 đến năm 2030.

- Về nội dung đầu tư tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung nội dung: *“Các công trình giao thông được đầu tư phải đạt chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành và phù hợp với tiêu chí nông thôn mới.”*

- Về tổng vốn: Tờ trình số 262/TTr-UBND và dự thảo Nghị quyết xác định phạm vi thực hiện là 34 xã với tổng vốn 1.916,35 tỷ đồng (trong đó Ngân sách Trung ương 530 tỷ đồng, Ngân sách địa phương 1.386,35 tỷ đồng). Tuy nhiên, báo cáo thẩm định của Sở Tài chính ghi tổng vốn là 1.945,729 tỷ đồng. Đề nghị rà soát và làm rõ lý do chênh lệch vốn, từ 1.945,729 tỷ đồng giảm xuống còn 1.916,35 tỷ đồng (giảm 29,379 tỷ đồng).

- Về số lượng xã: Theo báo cáo tại Công văn số 210/SDTTG-CTDT ngày 22/7/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo, tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) có 44 xã khó khăn và đặc biệt khó khăn (gồm 14 xã khó khăn và 30 xã đặc biệt khó khăn). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ sở đề xuất và các tiêu chí cụ thể để lựa chọn 34 xã thực hiện trong chương trình này.

- Về số vốn bố trí năm 2026: Nhu cầu vốn năm 2026 theo Báo cáo đề xuất là khoảng 328,267 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách địa phương là 314,686 tỷ đồng). Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh, vốn ngân sách địa phương bố trí cho chương trình năm 2026 là 50 tỷ đồng. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình rõ giải pháp bổ sung và cân đối vốn từ các nguồn thu tăng thêm, nguồn cải cách tiền lương hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để đảm bảo đủ vốn thực hiện trong năm 2026, hoặc tối thiểu trong các kỳ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm.

- Về tổ chức thực hiện: Đề nghị bổ sung thêm quy định: *“Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Thái Nguyên tham gia giám sát thực hiện.”*

7.3. Một số nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu kỹ lưỡng, tránh sự trùng lặp chính sách với các Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Báo cáo rõ phương thức huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình để tránh phát sinh việc khiếu kiện trong nhân dân.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các quy trình, thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ, chặt chẽ, chính xác các quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả đầu tư, tiết kiệm, tránh thất thoát lãng phí và chịu trách nhiệm theo thẩm quyền.

8. Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, nhiệm vụ và giải pháp năm 2026

Qua nghiên cứu, Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát đề cương theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bố cục rõ ràng, số liệu được cập nhật trong điều kiện sáp nhập tỉnh. Tuy nhiên, cần rà soát lại tính thống nhất của số liệu giữa phần lời và biểu mẫu kèm theo, cũng như làm rõ một số nội dung liên quan đến xử lý tài sản sau sáp nhập, cụ thể:

* Về số liệu tiết kiệm trong đầu tư xây dựng: Báo cáo và Biểu mẫu (Mục IV.1.2) đều nêu số kinh phí tiết kiệm được trong đầu tư xây dựng là 47.465 triệu đồng. Tuy nhiên, trong cơ cấu chi tiết, số tiết kiệm qua khâu phê duyệt quyết toán được 34,85 tỷ đồng, chiếm 73%. Đề nghị phân tích, làm rõ nguyên nhân số tiết kiệm qua khâu phê duyệt quyết toán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số kinh phí tiết kiệm được trong đầu tư xây dựng.

* Một số nội dung cần bổ sung, làm rõ:

- Về vấn đề quản lý tài sản công sau sáp nhập: Trong Báo cáo có nêu việc kiểm kê tài sản đã hoàn thành và báo cáo Bộ Tài chính vào tháng 5/2025 và tháng 6/2025. Tuy nhiên, thời điểm sáp nhập tỉnh là ngày 01/7/2025. Vì vậy, việc kiểm kê tài sản trước thời điểm sáp nhập là số liệu của 2 tỉnh trước sáp nhập. Ban kiến nghị bổ sung nội dung về kết quả bàn giao, tiếp nhận tài sản công giữa các cơ quan sáp nhập, giải thể sau ngày 01/7/2025 và tiếp tục tổ chức rà soát, kiểm tra để có phương án xử lý sau sắp xếp, sáp nhập.

- Về Doanh nghiệp Nhà nước: Báo cáo phân tích kỹ tình trạng mất an toàn tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn (âm vốn chủ sở hữu, nợ quá hạn 38 tỷ đồng). Tuy nhiên, tại phần phương hướng năm 2026, giải pháp đưa ra còn chung chung (*“Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn”*). Về nội dung này, Ban kiến nghị: Đối với doanh nghiệp đã âm vốn chủ sở hữu và mất khả năng thanh toán, việc cổ phần hóa là không khả thi. Đề nghị bổ sung giải pháp cụ thể hơn, như phá sản hoặc cơ cấu lại nợ, đồng thời kiến nghị rõ phương án xử lý dứt điểm để tránh lãng phí thêm nguồn lực hoặc phát sinh lãi phạt.

- Về giải pháp năm 2026: Đề nghị bổ sung các giải pháp đặc thù cho giai đoạn sau sáp nhập như sau:

+ Có phương án xử lý, đấu giá hoặc điều chuyển các trụ sở này để tránh lãng phí do xuống cấp.

+ Về định mức kinh tế - kỹ thuật: Do sáp nhập 2 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, các định mức kinh tế - kỹ thuật cũ có thể không còn phù hợp. Do đó cần ưu tiên xây dựng hệ thống định mức chi mới thống nhất cho toàn tỉnh Thái Nguyên (mới).

9. Các nội dung phối hợp thẩm tra

Đối với các nội dung phối hợp thẩm tra, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã có văn bản phối hợp gửi đến các Ban chủ trì thẩm tra để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác năm 2025 và công tác thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các đại biểu tham dự Kỳ họp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CVDT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Phó Thị Thủy